

**BÁO CÁO****Công tác Trồng trọt và sinh vật gây hại cây trồng**

(Từ ngày 28 tháng 9 đến ngày 04 tháng 10 năm 2020)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG****1. Thời tiết**

- Nhiệt độ: Trung bình: 26°C                      cao: 31°C                      thấp: 22°C
- Ẩm độ: Trung bình: 72%                      cao: 90%                      thấp: 58%

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**a) **Cây lúa:** Diện tích lúa ruộng 14.162/13.828 ha đạt 102% KH; lúa nương 57 ha.

Vụ	Trà	GĐ sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Mùa	Sớm	Thu hoạch	2.438	
Mùa	Chính vụ	Ôm đồng – chín đỏ đuôi	11.724	

**b) Cây trồng khác**

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng/ Diện tích kế hoạch (ha)
- Ngô:	5-6 lá -> 9 lá-phun râu	5.439/5.628 ha đạt 97% KH
- Cây lấy củ:		
+ Cây dong riềng	Tích lũy tinh bột	494/520 ha đạt 95% KH
+ Cây khoai môn	Phát triển củ - thu hoạch	198/252 ha đạt 78% KH
+ Cây khoai lang	Phát triển thân lá	226/205 ha đạt 110% KH
+ Cây gừng	Phát triển củ - thu hoạch	210/260 ha đạt 80% KH
+ Cây nghệ	Phát triển củ - thu hoạch	165/95 ha đạt 174% KH
- Cây rau, đậu đỗ		
+ Cây rau	Phát triển thân lá – thu hoạch	1.278/970 ha đạt 132% KH
+ Cây đậu đỗ	Phát triển củ, quả	430/371 ha đạt 116% KH

- Cây công nghiệp		
+ Cây đậu tương	Phát triển quả	364/335 ha đạt 109% KH
+ Cây lạc	Phát triển củ	286/272 ha đạt 105% KH
- Cây ăn quả:		
+ Cây cam, quýt Diện tích hiện có Trong đó: Diện tích trồng mới	Phát triển quả Phát triển thân lá	3.315 ha đạt 105% KH 97/80 ha đạt 121% KH
+ Cây hồng không hạt Diện tích hiện có Trong đó: Diện tích trồng mới	Thu hoạch Phát triển thân lá	799 ha đạt 104% KH 34/55 ha đạt 64% KH
+ Cây mơ Diện tích hiện có Trong đó: Diện tích trồng mới	Phát triển thân lá	477 ha đạt 91% KH 46/40 ha đạt 115% KH
+ Cây mận Diện tích hiện có		702 ha đạt 101% KH

## II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SVGH TRONG KỲ

### 1. Cây lúa mùa chính vụ

- Sâu cuốn lá nhỏ gây hại với mật độ phổ biến 2-5 con/m<sup>2</sup>, cao 10 con/m<sup>2</sup>, cá biệt 15 con/m<sup>2</sup>; tổng diện tích nhiễm nhẹ - trung bình 10 ha tại huyện Bạch Thông. Diện tích nhiễm cao hơn 10 ha so với CKNT. Bà con nông dân đã phun trừ toàn bộ diện tích nhiễm.

- Sâu đục thân gây hại nhẹ rải rác tại các huyện Chợ Mới, Bạch Thông, Thành phố. Cá biệt tại xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông tỷ lệ bông bị hại cục bộ 20% bông với tổng diện tích nhiễm 1 ha, trong đó, nhiễm nhẹ - trung bình 0,6 ha, nhiễm nặng 0,4 ha. Diện tích nhiễm thấp hơn 2 ha so với CKNT.

- Bọ rầy gây hại với mật độ phổ biến 200-250 con/m<sup>2</sup>, cao 500-600 con/m<sup>2</sup>, cá biệt 1.500 con/m<sup>2</sup>; tổng diện tích nhiễm 2,5 ha tại huyện Pác Nặm, Bạch Thông, trong đó, nhiễm nhẹ - trung bình 2,3 ha, nhiễm nặng 0,2 ha (nhiễm nặng tại xã Sỹ Bình, huyện Bạch Thông). Diện tích nhiễm cao hơn 2,5 ha so với CKNT. Bà con nông dân đã phun trừ toàn bộ diện tích nhiễm.

- Bọ xít dài gây hại với mật độ hại phổ biến 1 con/m<sup>2</sup>, cao 3 con/m<sup>2</sup>, cá biệt 5 con/m<sup>2</sup>; tổng diện tích nhiễm nhẹ 1,3 ha (nhiễm mới 0,3 ha) tại huyện Pác Nặm, Chợ Mới. Diện tích nhiễm cao hơn 1,3 ha so với CKNT. Bà con nông dân đã phun trừ toàn bộ diện tích nhiễm.

- Chuột gây hại cục bộ tại huyện Pác Nặm với tỷ lệ phổ biến 1% dành, cao 3% dành, cá biệt 12% dành; tổng diện tích nhiễm 4,5 ha (nhiễm mới 2,5 ha), trong đó diện tích nhiễm nhẹ - trung bình 4 ha, nhiễm nặng 0,5 ha. Diện tích nhiễm thấp hơn 8,5 ha so với CKNT. Bà con nông dân đã diệt trừ được 3 ha.

- Nhện gié gây hại cục bộ tại xã Xuất Hóa, phường Huyền Tung, Thành phố Bắc Kạn trên giống HT1 với tỷ lệ phổ biến 2% dành, cao 15% dành, cá biệt 25% dành, tổng diện tích nhiễm nhẹ 0,5 ha. Diện tích nhiễm cao hơn 0,5 ha so với CKNT.

- Bệnh đạo ôn cổ bông gây hại cục bộ tại xã Nông Hạ, Như Cốc, huyện Chợ Mới trên các giống QJ4, J02, Nếp, Khang dân 28, Đài thơm với tỷ lệ hại phổ biến 1% bông, cao 5% bông, cá biệt 40% bông; tổng diện tích nhiễm 1,2 ha, trong đó nhiễm nhẹ - trung bình 0,8 ha, nhiễm nặng 0,4 ha (nhiễm nặng tại xã Như Cốc). Diện tích nhiễm thấp hơn 1,3 ha so với CKNT. Bà con nông dân đã phun trừ toàn bộ diện tích nhiễm.

- Bệnh khô vằn gây hại với tỷ lệ phổ biến 3-4% dành, cao 10-15% dành, cá biệt 25-35% dành; tổng diện tích nhiễm nhẹ - trung bình 33,3 ha (nhiễm mới 6,3 ha) tại huyện Chợ Mới, Pác Nặm, Bạch Thông, Chợ Đồn, Thành phố. Diện tích nhiễm cao hơn 16,8 ha so với CKNT. Bà con nông dân đã phun trừ toàn bộ diện tích nhiễm.

- Bệnh lem lép hạt gây hại cục bộ tại Thành phố với tỷ lệ gây hại phổ biến 3% hạt, cao 15% hạt, cá biệt 25% hạt; tổng diện tích nhiễm 8 ha, trong đó nhiễm nhẹ - trung bình 7 ha, nhiễm nặng 1 ha (nhiễm nặng tại xã Xuất Hóa). Diện tích nhiễm cao hơn 8 ha so với CKNT.

Ngoài ra, bệnh lùn sọc đen tiếp tục gây hại nhẹ rải rác tại xã Phương Viên, Bình Trung, huyện Chợ Đồn.

*(Chi tiết tại biểu đính kèm)*

## **2. Cây ngô**

Sâu keo mùa thu gây hại tại huyện Chợ Mới, Pác Nặm, Thành phố với mật độ hại phổ biến 1 con/m<sup>2</sup>, cao 4 con/m<sup>2</sup>; tổng diện tích nhiễm nhẹ - trung bình 1 ha (nhiễm mới 0,5 ha) tại huyện Pác Nặm. Diện tích nhiễm thấp hơn 15 ha so với CKNT. Bà con nông dân đã phun trừ 0,5 ha.

Ngoài ra, sâu đục thân, bệnh đốm lá, thối thân gây hại nhẹ, rải rác.

## **3. Cây gừng**

- Bệnh cháy lá tiếp tục gây hại cục bộ tại diện tích cũ ở huyện Chợ Mới với tỷ lệ hại phổ biến 1% lá, cao 3% lá; tổng diện tích nhiễm nhẹ 0,5 ha. Diện tích nhiễm cao hơn 1,5 ha so với CKNT. Bà con nông dân đã phun trừ được toàn bộ diện tích nhiễm.

- Bệnh thối củ tiếp tục gây hại cục bộ tại diện tích cũ ở huyện Chợ Mới với tỷ lệ hại phổ biến 1%, cao 3%; tổng diện tích nhiễm nhẹ 1,2 ha. Diện tích nhiễm thấp hơn 0,8 ha so với CKNT. Người dân thu hoạch gừng non.

Ngoài ra, các cây trồng khác sâu, bệnh gây hại nhẹ, rải rác.

### III. CÔNG TÁC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV TUẦN TỚI

#### 1. Cây lúa

\* **Biện pháp canh tác:** Tranh thủ thời tiết thuận lợi khẩn trương thu hoạch lúa mùa sớm, làm đất gieo trồng cây vụ đông; đối với lúa mùa chính vụ, giữ mực nước trong ruộng từ 2-3 cm đến khi lúa chín đỏ đuôi.

\* **Dự báo:** Chú ý theo dõi và phòng trừ bọ rầy, sâu đục thân, nhện gié, bệnh đạo ôn cổ bông, lùn sọc đen, bệnh khô vằn, bệnh lem lép hạt, chuột gây hại trên trà lúa chính vụ.

\* **Biện pháp phòng trừ:**

- Bệnh đạo ôn: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, khi phát hiện bệnh dùng bón đậm, không phun thuốc kích thích. Duy trì mức nước trong ruộng vừa phải (3-4 cm); sử dụng 1 trong những loại thuốc như Filia 525SE, Kasai 21,2WP, Beam 75WP, Fuji-one 40EC. Nếu bệnh gây hại nặng và những ruộng đã bị nhiễm bệnh đạo ôn lá cần phun phòng bệnh đạo ôn cổ bông, phun kép 2 lần, lần 1 khi lúa trở lác đác, lần 2 khi lúa đã trở xong.

- Bệnh đen lép hạt: Có thể sử dụng một trong các thuốc sau để phòng trừ nấm: Tilt Super 300EC, Amistar Top 325SC, Upper 400SC...; phòng trừ nhện gié bằng một trong các thuốc như: Nissorun 5EC, Kinalux 25EC, Comite 73EC...

- Sâu cuốn lá nhỏ: Tăng cường theo dõi, đặc biệt những ruộng lúa xanh tốt, ruộng lúa thừa đạm, lá xanh đen, những ruộng gần khu dân cư, gần đường quốc lộ. Phun trừ bằng một trong các loại thuốc Padan 95SP, Gà nòi 95SP, Karate 2.5EC...

- Sâu đục thân: Nếu mật độ sâu thấp ngắt danh héo; khi thấy tỷ lệ danh héo > 5% hoặc thấy bướm sâu đục thân ra rộ 5-7 ngày thì tiến hành phun trừ bằng một trong các loại thuốc sau: Voliam Targo 063SC, Gà nòi 95SP, Pattox 95SP.....

- Bọ rầy: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng khi mật độ rầy khoảng 20 con/khóm trở lên thì phun trừ Rầy bằng thuốc tiếp xúc như: Actara 25WG, Bassa 50EC, Tre bon 10EC...khi phun thuốc phải rẽ hàng thành băng rộng khoảng 0,8-1,2m để thuốc tiếp xúc trực tiếp với Rầy ở phần gốc lúa. Đối với những ruộng có mật độ rầy cao trên 50 con/khóm phải phun kép 2 lần, cách nhau 5 đến 7 ngày; dùng luân phiên các loại thuốc để tránh rầy kháng thuốc, phun thuốc theo “kỹ thuật 4 đúng”.

#### 2. Cây ngô

\* **Biện pháp canh tác:** Đối với diện tích ngô giai đoạn 7 – 9 lá bón phân thúc lần 2, kết hợp làm cỏ, vun gốc cao, lượng phân tính cho 1.000 m<sup>2</sup> như sau: 20 – 22 kg đạm ure và 8 – 10 kg kali clorua.

\* **Dự báo:** Chú ý phòng trừ sâu keo mùa thu, sâu đục thân, bệnh đốm lá.

\* **Biện pháp phòng trừ:** Sâu keo mùa thu: Tăng cường kiểm tra đồng ruộng, khi mật độ sâu cao sử dụng một trong các loại thuốc như: Lufen extra 100 EC, Enasin 32WP, Ratoin 5WG, Karuba WP, Bitadin WP.... để phun trừ, phun theo hàng, ướp đều cả hai mặt lá và nách lá. Sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng.

**3. Cây cam, quýt:** Chú ý phòng trừ bệnh vàng lá thối rễ, bệnh nứt thân chảy nhựa, bọ xít, ruồi vàng,...

**4. Châu chấu tre lưng vàng:** Tăng cường điều tra, xác định vị trí châu chấu gây hại để có phương án phun trừ kịp thời./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Nông nghiệp & PTNT (B/c);
- UBND các huyện, Thành phố;
- Cục Bảo vệ thực vật (B/c);
- Trung tâm BVTV Phía Bắc (B/c);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Trung tâm DVNN các huyện, TP (T/h);
- Phòng NN/Phòng kinh tế (P/hợp);

*Gửi bản giấy:*

- Lưu: VT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Nông Đình Khuê**

## TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

(Kèm theo Báo cáo số 40/BC7N-BVTV ngày 01/10/2020 của Chi cục Trồng trọt & BVTV)

### 1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
<b>I</b>	<b>Cây lúa mùa chính vụ</b>					
-	Bệnh lem lép hạt	3	15	25		TP
-	Đạo ôn cổ bông	1	5	40	Cấp 7	Chợ Mới
-	Bệnh khô vằn	3-4	10-15	25-35	Cấp 3-5	Rải rác ở các huyện, TP
-	Bọ rầy	200-250	500-600	1.500	Tuổi 4 – 5	rải rác tại các huyện, TP
-	Sâu đục thân	1	3	20	Tuổi 4-5	Bạch Thông, Chợ Mới, TP
-	Sâu cuốn lá nhỏ	2-5	10	15	Tuổi 4-5	Bạch Thông, Chợ Mới, TP
-	Bọ xít dài	1	3	5	Trưởng thành	Pác Nặm, Chợ Mới
-	Chuột	1	3	12		Pác Nặm
-	Nhện gié	2	15	25		TP
<b>II</b>	<b>Cây ngô</b>					
	Sâu keo mùa thu	1	4		Tuổi 4-6	Chợ Mới, Pác Nặm, TP
<b>III</b>	<b>Cây gừng</b>					
-	Bệnh cháy lá	1	3		Cấp 3	Chợ Mới
-	Bệnh thối củ	1	3		Cấp 3	Chợ Mới
<b>IV</b>	<b>Cây ớt</b>					
	Bệnh thán thư	1	2	8	Cấp 5	Chợ Mới

### 2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
<b>I</b>	<b>Cây lúa mùa chính vụ</b>							
-	Sâu cuốn lá nhỏ	7	3	0		10	10	Bạch Thông

-	Bọ rầy	2,3		0,2		2,5	2,5	Pác Nặm, Bạch Thông
-	Bọ xít dài	2				2	2	Pác Nặm
-	Sâu đục thân	0,6		0,4		1	1	Bạch Thông
-	Chuột	3	1	0,5		4,5	3	Pác Nặm
-	Nhện gié	0,5	0	0		0,5		TP
-	Bệnh đạo cổ bông	0,8		0,4		1,2	1,2	Chợ mới
-	Bệnh khô vằn	28,3	5			33,3	33,3	Chợ Mới, Pác Nặm, Chợ Đôn, Bạch Thông, TP
-	Bệnh lem lép hạt	7	2	1		8		TP
<b>II</b>	<b>Cây ngô</b>							
	Sâu keo mùa thu	1				1	0,5	Pác Nặm
<b>III</b>	<b>Cây gừng</b>							
-	Bệnh cháy lá	0,5				0,5	0,5	Chợ Mới
-	Bệnh thối củ	1,2				1,2	1,2	Chợ Mới
<b>IV</b>	<b>Cây ớt</b>							
	Bệnh thán thư	1	0	0		1	1	Chợ Mới